

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội khu vực nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội khu vực nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 28/TTr-SKHCN ngày 14/01/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội khu vực nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015” (sau đây gọi tắt là Chương trình); với các nội dung sau:

I. Mục tiêu của Chương trình:

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng các mô hình ứng dụng để chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông nghiệp, nông thôn cho nông dân nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá. Từng bước tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất; Thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội khu vực nông thôn, miền núi theo hướng công nghiệp hoá-hiện đại hoá.

- Liên kết và phối hợp với các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế-xã hội khác để lựa chọn và triển khai ứng dụng các công nghệ phù hợp, đúc rút kinh nghiệm, tạo căn cứ thực tiễn cho việc phổ cập các giải pháp công nghệ tiến bộ như một biện pháp để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực của Nhà nước nói riêng và nguồn lực của xã hội nói chung.

- Đào tạo, tập huấn cho nông dân và cán bộ kỹ thuật cơ sở nâng cao năng lực, nhằm giúp các địa phương chủ động tìm kiếm, lựa chọn, và triển khai các

dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai thực hiện ít nhất 20 dự án, xây dựng ít nhất 20 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về: phát triển trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá; thu hoạch, bảo quản và chế biến nông-lâm-thủy sản; hình thành ngành nghề mới, khôi phục và phát triển làng nghề ở nông thôn.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho ít nhất 2.000 lượt nông dân và cán bộ kỹ thuật cơ sở.

- Xây dựng và triển khai các chuyên đề giới thiệu về hoạt động của chương trình và phổ biến kiến thức khoa học, tập huấn kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

II. Nội dung của Chương trình:

1. Các dự án ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ:

Các dự án ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ được hình thành theo các nhóm gắn với mục tiêu và nội dung cụ thể sau đây:

a) Phát triển sản xuất:

- Xây dựng các mô hình phát triển trồng trọt, chăn nuôi theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình phát triển kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại theo hướng bền vững. Sử dụng công nghệ tiên tiến về tưới tiêu, tiết kiệm nước cho vùng gò đồi, vùng khô hạn.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, các hình thức nuôi công nghiệp, nuôi sinh thái gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng các mô hình canh tác phù hợp; các mô hình trồng rừng bền vững để phát triển sản xuất, đảm bảo lương thực tại chỗ và tạo thu nhập cho người dân vùng núi, vùng dân cư phân tán, điều kiện giao thông, vận chuyển khó khăn.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón từ phế phụ phẩm nông nghiệp, ủ bảo quản thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi gia súc, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, xử lý môi trường,...

b) Bảo quản, chế biến nông sản: Ứng dụng thiết bị và công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học trong chế biến, bảo quản các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ để có giá thành hạ, chất lượng cao.

c) Ngành nghề nông thôn: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển nghề mới ở nông thôn dần từng bước hình thành làng nghề; khôi phục và phát triển một số ngành nghề truyền thống có khả năng phát triển thành làng nghề trên địa bàn tỉnh.

2. *Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ:* Đào tạo, tập huấn ngắn hạn theo hai hình thức:

- Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai các dự án cho đội ngũ cán bộ quản lý địa phương, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, cán bộ thú y và bảo vệ thực vật.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho địa phương, tập huấn kỹ thuật cho tổ chức, nông dân tham gia để tạo mạng lưới cán bộ kỹ thuật và cộng tác viên trực tiếp ở địa phương tiếp tục nhân rộng và phổ cập các kết quả của Chương trình khi cán bộ chuyển giao công nghệ rút khỏi địa bàn.

3. *Các hoạt động thông tin, tuyên truyền:*

- Xây dựng và triển khai các chuyên đề giới thiệu về hoạt động của chương trình và phổ biến kiến thức khoa học, tập huấn kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

- Xuất bản các ấn phẩm về tổng kết kinh nghiệm, những bài học từ việc ứng dụng, chuyển giao, phổ biến, triển khai, nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các vấn đề khác của Chương trình.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ phổ biến khoa học, chuyển giao công nghệ vào địa bàn nông thôn và miền núi.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình và cơ chế tài chính áp dụng:

1. *Kinh phí thực hiện Chương trình:*

- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực cho khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác.

- Kinh phí đóng góp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân thụ hưởng dự án.

2. *Cơ chế tài chính áp dụng:*

Cơ chế tài chính áp dụng cho Chương trình được áp dụng theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 24/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu chỉ cho Chương trình, Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán và cơ cấu vào nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện Chương trình

1. *Quản lý Chương trình:*

Quy chế quản lý Chương trình được áp dụng theo Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Thời gian thực hiện Chương trình:*

Chương trình bắt đầu thực hiện từ năm 2011 đến hết năm 2015; trong có cơ sở kết đánh giá giữa kỳ vào năm 2013.

3. *Tổ chức thực hiện Chương trình*

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
 b) Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài Chính, Ban Dân tộc, Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:
 - a) Hướng dẫn hệ thống biểu mẫu áp dụng cho Chương trình.
 - b) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.
 - c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ nhiệm Chương trình; 01 Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Phó Chủ nhiệm Chương trình. Chủ nhiệm chương trình có trách nhiệm sử dụng bộ máy cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Chương trình.
2. Các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép nội dung của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế-xã hội khác của địa phương vào Chương trình này và chỉ đạo, tổ chức triển khai trên địa bàn đạt hiệu quả.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban Ban Dân tộc; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP (CN), KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXDhuy29.



Lê Quang Thích